

32. XÃ CÁI NƯỚC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đường 19-5	Nghĩa trang (Mé sông Lộ Xe cũ)	Giáp ranh Bệnh viện	1.940
2	Đường 19-5	Giáp ranh Bệnh viện	Hết ranh Ban Chỉ huy Quân sự (huyện Cái Nước cũ)	2.040
3	Đường 19-5	Hết ranh Ban Chỉ huy Quân sự (huyện Cái Nước cũ)	Hết ranh Trung Tâm Dạy Nghề (cũ)	1.530
4	Đường 19-5	Hết ranh Trung Tâm Dạy Nghề (cũ)	Đầu lộ Phú Mỹ	1.430
5	Đổi diện đường 19 tháng 5	Đổi diện hết ranh Nghĩa Trang	Cầu Tài Chính	810
6	Đường Hồ Thị Kỷ	Cầu Tài chính	Doi Văn hóa (Bia tưởng niệm)	1.530
7	Khu Kiôt	Khu Kiôt (Dãy nhà ông Hội)	Hết khu Kiôt	4.510
8	Đường 30 - 4	Lộ Tân Duyệt	Hẻm số 2	4.860
9	Đường 30 - 4	Hẻm số 2	Cầu Văn hóa	4.470
10	Đường 30 - 4	Cầu Văn Hóa	Cầu Cây Hương	2.230
11	Đường 3 - 2	Đường 1-5	Đường 30-4	2.880
12	Đường 2 - 9	Lộ Tân Duyệt	Nhà ông Út Anh	2.850
13	Đường 2 - 9	Nhà ông Chiến	Đường 30-4	2.600

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
14	Đường 2-9 (nối dài)	Nhà ông Chiến	Cầu Cây Hương	2.770
15	Đường 1 - 5	Lộ Tân Duyệt	Đường 30-4	2.040
16	Đường Phan Ngọc Hiển	Hết đất ông 10 Ôn	Lộ Tân Duyệt	2.660
17	Đường Phan Ngọc Hiển	Lộ Tân Duyệt	Hết ranh đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính Trị	2.200
18	Đường Phan Ngọc Hiển	Hết ranh đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính Trị	Hết ranh đất ông Phan Văn chiến	510
19	Đường Nguyễn Khuyến (Tên cũ: Hẻm số 1)	Đường 30-4	Đường 2-9	1.820
20	Đường Nguyễn Khuyến (Tên cũ: Hẻm số 1)	Đường 2-9	Đường 1-5	1.560
21	Hẻm số 2	Đường 30-4	Đường 2-9	2.410
22	Hẻm số 3	Đường 1-5	Cuối Hẻm số 3	1.370
23	Hẻm số 3	Cuối hẻm số 3	Cầu Cây Hương	800
24	Hẻm số 3	Cuối Hẻm số 3	Đường 2-9	950
25	Lộ Tân Duyệt	Quốc lộ 1A	Đường 19-5	3.640
26	Lộ Tân Duyệt	Phan Ngọc Hiển	Đường 1/5	4.510
27	Lộ Tân Duyệt	Đường 1-5	Cổng Cây Hương	2.990

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
28	Lộ Tân Duyệt	Cổng Cây Hương	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đường Vành Đai)	1.370
29	Lộ Tân Duyệt	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đường Vành Đai)	Giáp ranh xã Đông Thới	730
30	Lộ Tân Duyệt	Lộ Tân Duyệt	Đường 3-2	4.170
31	Đổi diện lộ Tân Duyệt	Đổi diện Cổng Cây Hương	Đổi diện Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đổi diện Đường Vành Đai đổi diện)	570
32	Đổi diện lộ Tân Duyệt	Đổi diện Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đổi diện Đường Vành Đai)	Đổi diện Đập Ông Phụng	460
33	Đường Cách Mạng tháng 8	Quốc lộ 1A	Đầu kinh Láng Tượng	950
34	Đường Phạm Ngọc Thạch (Tên cũ: Đường Cách Mạng tháng 8)	Quốc Lộ 1A	Đường 19/5	3.630
35	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đường Vành Đai)	Đường Hồ Thị Kỷ (Tên cũ: Cầu Tài chính)	Cầu Vành Đai	1.940
36	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đường Vành Đai)	Cầu Vành Đai	Lộ Tân Duyệt	1.260
37	Đổi diện đường Cách Mạng Tháng Tám (tên cũ: Đổi diện đường Vành Đai)	Cầu Tài chính	Cầu Lộ Hãn	970

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
38	Đổi diện đường Cách Mạng Tháng Tám (tên cũ: Đổi diện đường Vành Đai)	Cầu Vành Đai	Lộ Tân Duyệt	510
39	Hai bên bờ sông Cái Nước	Hai bên bờ sông từ Đền thờ Bác	Đầu kênh Sư Thông	800
40	Hai bên bờ sông Cái Nước	Đầu kênh Sư Thông	Đầu kênh Láng Trượng	810
41	Khu dân cư Cây Hương	Khu dân cư Cây Hương giai đoạn 1	Hết khu dân cư Cây Hương	790
42	Khu dân cư Lương Thực (Đường số 1, đường số 4)			1.650
43	Khu dân cư Lương Thực (Đường số 2, đường số 3)			1.370
44	Đường Võ Thị Sáu	Tượng đài Khu văn hóa (Bia Tưởng niệm)	Hết ranh Trường THPT Cái Nước	1.370
45	Đường Võ Thị Sáu	Hết ranh Trường THPT Cái Nước	Giáp ranh ấp Đồng Tâm	1.170
46	Đường Võ Thị Sáu	Giáp ranh ấp Đồng Tâm	Cầu Vành Đai	570
47	Lộ Cái Nước -Phú Tân	Quốc lộ 1A	Đầu kênh Sư Thông	2.900
48	Lộ Cái Nước - Phú Tân	Đầu kênh Sư Thông	Đập Cây Dương	2.800
55	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau đi Năm Căn	Giáp ranh xã Hưng Mỹ	Giáp ranh Nghĩa trang	1.920
50	Quốc lộ 1A hướng Cà Mau đi Năm Căn	Ranh Nghĩa Trang	Đầu đường Phạm Ngọc Thạch	2.600

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
51	Quốc lộ 1A hướng Cà Mau đi Năm Căn	Đầu đường Phạm Ngọc Thạch	Hết ranh cây xăng Kim Minh	3.800
52	Quốc lộ 1A hướng Cà Mau đi Năm Căn	Hết ranh cây xăng Kim Minh	Đầu lộ Phú Mỹ +200m	3.600
53	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau đi Năm Căn	Đầu lộ Phú Mỹ + 200m	Nhà nghỉ Tuấn Anh	1.830
54	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau đi Năm Căn	Nhà nghỉ Tuấn Anh	Giáp ranh xã Trần Thới cũ	1.530
62	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Trần Thới cũ	Cách Xí nghiệp Nam Long 300m	1.000
63	Quốc lộ 1A	Cách Xí nghiệp Nam Long 300m	Giáp ranh Xí nghiệp Nam Long	1.440
64	Quốc lộ 1A	Giáp ranh Xí nghiệp Nam Long	Dốc cầu Đầm Cùng	1.430
56	Đường Khu tập thể bệnh viện			800
57	Khu dân cư Tân Duyệt			440
58	Lộ bê tông	Lộ Tân Duyệt	Giáp ranh khu dân cư Cây Hương	390
59	Lộ bê tông	Lộ Tân Duyệt	Hết ranh ấp 1	570
60	Lộ bê tông	Hết ranh ấp 1	Cầu 5 Bưng	430
61	Hẻm số 4 (sau kho Thương nghiệp cũ), xã Trần Thới cũ	Đường 2 tháng 9	Hẻm số 2	1.590
66	Đường vào UBND xã Trần Thới cũ	Chùa Hưng Vy Tự	Hết ranh UBND xã Trần Thới (cũ)	3.060

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
67	Khu vực chợ xã Trần Thới cũ	Hết ranh UBND xã Trần Thới (Cũ)	Hết ranh Trạm Y Tế xã Trần Thới (Cũ)	1.660
68	Khu vực chợ xã Trần Thới cũ	Hết ranh Trạm Y Tế xã Trần Thới (Cũ)	Hết ranh bến Nhà Máy Nước Đá Tân Đạt	890
69	Lộ trung tâm xã	Quốc lộ 1A	Hết ranh trạm y tế xã Trần Thới (Cũ)	1.660
70	Lộ trung tâm xã	Lộ Trung tâm xã Trần Thới (Cũ)	Hậu dãy nhà UBND xã Trần Thới (Cũ)	1.790
71	Khu Tái định cư cầu Đầm Cùng	Những dãy giáp mặt tiền lộ trung tâm xã và khu vực chợ xã Trần Thới cũ (Đoạn từ UBND xã cũ đến trạm Y tế)		1.870
72	Khu Tái định cư cầu Đầm Cùng	Những dãy còn lại phía trong		1.370
73	Đường Cống Bào Châu	Quốc lộ 1A	Cống Bào Châu	440
74	Tuyến lộ theo sông Bảy Háp	Bến phà Đầm Cùng (Quốc lộ 1A cũ)	Cây xăng Bào Châu	400
75	Đường Công Vụ	Quốc Lộ 1A	Kênh Lộ Xe	510
76	Quốc Lộ 1A cũ	Đường vào Ngã 3 Trạm Y Tế	Hết ranh Chùa Hưng Vy Tự	1.680
77	Tuyến Đê Đông	Đập Giáo Hổ	Giáp ranh xã Tân Hưng	440
78	Hẻm số 2 nối dài	Đường 2 tháng 9	Hẻm số 3	2.850

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
79	Lộ bê tông rộng 3m kênh Giá	Quốc lộ 1A	Lộ Cái Nước - Phú Tân	570
80	Lộ bê tông rộng 3m kênh xáng Lộ Xe	Hết ranh đất ông Phan Văn Chiến	Đầu kênh Trùm Gộc	570
81	Lộ bê tông rộng 3m kênh Sư Thông	Đầu kênh Sư Thông	Cuối kênh Sư Thông	570
82	Đường vào Khu dân cư Lương Thực ấp 1	Từ Bách hóa xanh	Cuối đường	8.650
83	Đường Lương Định Của	Hồ Thị Kỳ	Đường 2/9	2.610
84	Đường vào khu tập thể sau bệnh viện	Đường 19/5	Đường khu tập thể bệnh viện	800
85	Tuyến đường về Trung tâm xã Đông Thới cũ	Cầu 19/5	tới kênh Hoà Đồ	600
86	Tuyến lộ Rạch Nhà Thính, ấp Nhà Thính A	Đập Nhà Thính A	Kênh Tân Duyệt (cổng Bầu Tròn)	400
87	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2\text{m}$			300
88	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2\text{m}$ đến $\leq 3\text{m}$			350
89	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3\text{m}$			400
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		250
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		220